

Số: 530 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Khắc phục các điểm sạt lở, sục lún trên tuyến sông Cần Lố (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Phong đến nhà ông Nguyễn Hạnh Thông thuộc tổ 1, khóm Thanh Tiến; đoạn cống 10 Sừng; đoạn từ nhà 104 đến nhà 107, tổ 5, ấp Bình Nhứt; đoạn nhà 127; đoạn nhà 111 đến nhà 121), phường Mỹ Trà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt chủ trương và hỗ trợ nguồn kinh phí xử lý khắc phục khẩn cấp sạt lở, sục lún bờ sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 8249/SNN&MT-CCTL ngày 05/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khắc phục các điểm sạt lở, sục lún trên tuyến sông Cần Lố (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Phong đến nhà ông Nguyễn Hạnh Thông thuộc tổ 1, khóm Thanh Tiến; đoạn cống 10 Sừng; đoạn từ nhà 104 đến nhà 107, tổ 5, ấp Bình Nhứt; đoạn nhà 127; đoạn nhà 111 đến nhà 121), phường Mỹ Trà.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1514/TTr-SNN&MT, ngày 30/01/2026, Báo cáo số 1770/BC-VPUBND ngày 23/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Khắc phục các điểm sạt lở, sục lún trên tuyến sông Cần Lố (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Phong đến nhà ông Nguyễn Hạnh Thông thuộc tổ 1, khóm Thanh Tiến; đoạn cống 10 Sừng; đoạn từ nhà 104 đến

nhà 107, tổ 5, ấp Bình Nhứt; đoạn nhà 127; đoạn nhà 111 đến nhà 121), phường Mỹ Trà với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khắc phục các điểm sạt lở, sụp lún trên tuyến sông Cần Lố (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Phong đến nhà ông Nguyễn Hạnh Thông thuộc tổ 1, khóm Thanh Tiến; đoạn cống 10 Sừng; đoạn từ nhà 104 đến nhà 107, tổ 5, ấp Bình Nhứt; đoạn nhà 127; đoạn nhà 111 đến nhà 121), phường Mỹ Trà.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng NN.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại và cấp công trình chính: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 20 năm

8. Mục tiêu dự án: Khắc phục khẩn cấp các điểm sạt lở, sụp lún trên tuyến sông Cần Lố, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp nhằm đảm bảo an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân sống trong khu vực; đảm bảo an toàn giao thông đi lại được thuận lợi kết hợp ngăn lũ, triều cường bảo vệ sản xuất trong thời gian tới và mùa mưa lũ những năm tiếp theo.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Gia cố các điểm sạt lở, sụp lún trên tuyến sông Cần Lố, thuộc phường Mỹ Trà với tổng chiều dài khoảng 883m. Trong đó:

** Đoạn 850m: Đóng 02 hàng cọc BTCT kết hợp dầm giằng dọc, giằng ngang tạo khung; đóng cừ tràm xen kẽ cọc BTCT:*

- Cao trình đầu cừ hàng ngoài và hàng neo: + 1,00 m

- Đóng 02 hàng cọc BTCT 25x25cm, L=11,7m.

- Đóng 02 hàng cừ tràm L=5m, ngọn $\geq 4,5$ cm đóng xen kẽ 16 cây/m.

- Dầm giằng dọc và dầm giằng ngang BTCT 25x25cm liên kết với 02 hàng cọc BTCT tạo khung cho mỗi đơn nguyên.

- Vải địa kỹ thuật $R_k \geq 12$ kN/m (loại không dệt) gói thành bao cát, thả bao cát giữa 02 hàng cọc và mái taluy.

- Lót vải địa kỹ thuật $R_k \geq 12 \text{ kN/m}$ (loại không dệt) mái taluy, hệ số mái đắp $m=1,50$. Lót mù sọc và lưới B40 khổ 1,5m để chắn đất 02 bên vách.

- Khóa kê bằng 02 hàng cừ bạch đàn $L=8\text{m}$, ngọn $\geq 8\text{cm}$ đóng xen kẽ 16 cây/m, giằng đỉnh bằng cừ bạch đàn $L=8\text{m}$, ngọn $\geq 8\text{cm}$, dây thép D6 buộc đầu.

** Đoạn 33m: Đóng cừ bạch đàn và tấn mù sọc:*

- Đóng 02 hàng cừ bạch đàn $L=8\text{m}$, ngọn $\geq 8\text{cm}$ đóng xen kẽ 16 cây/m

- Giằng đỉnh bằng cừ bạch đàn $L=8\text{m}$, ngọn $\geq 8\text{cm}$

- Dây thép D6 buộc đầu cừ.

- Trải 02 lớp mù sọc chiều cao 0,5m, cuộn đầu 0,3m

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1.1 -Tiêu chuẩn áp dụng trong công tác thiết kế:		
1	Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật	TCVN 12845 : 2020
2	Công trình thủy lợi – Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi	TCVN 9152 : 2012
3	Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật đắp đê	TCVN 9165 : 2012
4	Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 5574:2018
5	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575;2012
6	Bê tông thủy công và Hỗn hợp bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8218-8228 : 2009
7	Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4253 : 2012
8	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844 : 2013
1.2-Tiêu chuẩn áp dụng cho vật liệu, thi công và nghiệm thu:		
1	Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.	TCVN 4447 : 2012
2	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361 : 2012
3	Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công	TCVN 13718 : 2023

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
4	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.	TCVN 7570 : 2006
5	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật.	TCVN 4506 : 2012
6	Bê tông – Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên.	TCVN 8828 : 2011
7	Đóng và ép cọc – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9394 : 2012
Và một số tiêu chuẩn, quy trình và quy phạm hiện hành khác.		

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **13.241.715.000 đồng** (Bằng chữ: Mười ba tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 11.424.264.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 340.083.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.039.625.000 đồng
- Chi phí khác: 339.169.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 98.574.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 – 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025.
- Kế hoạch bố trí vốn: Theo tiến độ thực hiện dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định.

15. Các nội dung khác: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1 (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu trình thẩm định. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung trình phê duyệt theo đúng quy định

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1 có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư, tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng theo quy định. Tổ chức đầu tư, thanh quyết toán kết thúc dự án, thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực

XVIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, PCT Nguyễn Thành Diệu;
- VPUBND: PCVP (Nam);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH (Lam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Diệu